

Số: 4141 /QĐ-ĐHYD

Thừa Thiên Huế, ngày 25 tháng 12 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp Chuyên khoa cấp II khóa 2016 - 2018

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC - ĐẠI HỌC HUẾ

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục thành viên;

Căn cứ Quyết định số 1389/QĐ-ĐHH ngày 10/07/2014 của Giám đốc Đại học Huế ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Huế, các trường đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

Căn cứ Quyết định số 473/QĐ-ĐHH ngày 01/03/2016 của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Y Dược - Đại học Huế;

Căn cứ Quyết định số 1637/2001/QĐ-BYT ngày 25/05/2001 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Quy chế đào tạo chuyên khoa II Sau đại học;

Căn cứ Quyết định số 4380/QĐ-BYT ngày 15/08/2016, số 6878/QĐ-BYT ngày 22/11/2016 của Bộ Trưởng Bộ Y tế về việc công nhận trúng tuyển chuyên khoa sau đại học, năm 2016 của Trường Đại học Y Dược, Đại học Huế;

Xét đề nghị của ông Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng chuyên khoa cấp II cho 102 (một trăm lẻ hai) học viên khóa 2016 - 2018 thuộc 18 (mười tám) chuyên ngành (Danh sách đính kèm).

Điều 2: Trưởng Phòng Đào tạo Sau đại học, Tổ chức Hành chính, Kế hoạch Tài chính, Khoa/Bộ môn liên quan và các Ông (Bà) có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; SDH./.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Vũ Quốc Huy

DANH SÁCH

CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP CHUYÊN KHOA CẤP II, KHÓA 2016 - 2018

(Kèm theo Quyết định số ~~444~~ /QĐ-ĐHYD ngày 25 tháng 12 năm 2018
của Hiệu trưởng Trường Đại học Y Dược Huế)

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		I. Nội khoa (36)			
1	1	Nguyễn Tiến Hưng	14.05.1979	Quảng Nam	
2	2	Phan Quốc Hải	10.04.1973	Hà Tĩnh	
3	3	Đoàn Văn Chung	20.03.1973	Phú Yên	
4	4	Phan Châu Du	09.12.1977	Bình Định	
5	5	Lê Hòa	27.02.1979	Phú Yên	
6	6	Lê Văn Hoàng	18.11.1973	Bình Định	
7	7	Trương Thị Mỹ Hương	17.09.1972	Hải Dương	
8	8	Phạm Kỳ Ngân	15.10.1976	Phú Yên	
9	9	Huỳnh Đình Nghĩa	16.08.1971	Bình Định	
10	10	Cao Mạnh Nhân	21.09.1970	Phú Yên	
11	11	Nguyễn Thanh Tinh	01.06.1974	Đắk Lắk	
12	12	Hoàng Lê Anh Dũng	02.06.1968	Thừa Thiên Huế	
13	13	Nguyễn Thành Định	09.05.1972	Khánh Hòa	
14	14	Ngô Thị Hà	12.05.1969	Quảng Bình	
15	15	Lê Văn Hào	10.07.1970	Ninh Thuận	
16	16	Nguyễn Thị Ngọc Hào	15.02.1980	Ninh Thuận	
17	17	Trương Khánh Ly	15.08.1979	Ninh Thuận	
18	18	Nguyễn Văn Ngọc	02.07.1968	Ninh Thuận	
19	19	Lê Thị Hoài Tâm	20.09.1973	Ninh Thuận	
20	20	Phạm Viết Thái	01.01.1967	Ninh Thuận	
21	21	Nguyễn Hữu Thoại	27.02.1969	Ninh Thuận	
22	22	Đặng Văn Thông	06.12.1974	Ninh Thuận	
23	23	Trần Thanh Truyền	22.05.1972	Ninh Thuận	
24	24	Trần Thái Tuấn	25.04.1972	Ninh Thuận	
25	25	Nguyễn Ngọc Hiệp	10.07.1979	Bình Định	
26	26	Phan Thạch Khuê	09.02.1978	Lâm Đồng	
27	27	Hồ Trường Bảo Long	29.03.1973	Khánh Hòa	

TT	TT CN	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
28	28	Nguyễn Thái	Quỳnh	15.12.1977	Đắk Lắk	
29	29	Nguyễn Xuân	Tạo	01.08.1971	Hung Yên	
30	30	Huỳnh Đức	Thanh	26.09.1971	Lâm Đồng	
31	31	Phạm Vũ	Thanh	28.11.1981	Lâm Đồng	
32	32	Đào Nguyên	Thiên	06.06.1976	Hải Dương	
33	33	Nguyễn Đức	Thuận	17.10.1965	Thừa Thiên Huế	
34	34	Kiều Thị	Trang	02.09.1972	Ninh Thuận	
35	35	Võ Văn	Tùng	20.09.1967	Lâm Đồng	
36	36	Hoàng Ngọc	Túy	17.10.1968	Thanh Hóa	
		II. Nội tim mạch (1)				
37	1	Dương Quang	Hải	13.03.1982	Đà Nẵng	
		III. Nội tiêu hóa (1)				
38	1	Ngô Quốc	Phong	19.06.1980	Thừa Thiên Huế	
		IV. Nội tiết (1)				
39	1	Lê Thị	Mỹ	15.05.1981	Kon Tum	
		V. Thần kinh (1)				
40	1	Nguyễn Đình	Thiên	10.03.1963	Kon Tum	
		VI. Nhi khoa (3)				
41	1	Nguyễn Mạnh	Phú	24.09.1969	Thừa Thiên Huế	
42	2	Hoàng Trọng	Quý	16.10.1973	Thừa Thiên Huế	
43	3	Thái Văn	Tuấn	26.03.1979	Thừa Thiên Huế	
		VII. Ngoại khoa (2)				
44	1	Trần Hoài	Ân	10.01.1962	Thừa Thiên Huế	
45	2	Trần Thanh Thái	Nhân	08.09.1983	Đắk Lắk	
		VIII. Ngoại tiêu hóa (2)				
46	1	Nguyễn Thanh	Hùng	27.07.1973	Quảng Bình	
47	2	Đào Văn	Minh	12.12.1971	Quảng Ngãi	
		IX. Phụ khoa (1)				
48	1	Nguyễn Thị Song	Kim	20.08.1971	Quảng Bình	
		X. Sản phụ khoa (5)				
49	1	Nguyễn Thị	Hương	30.07.1967	Hà Nội	
50	2	Nguyễn Ngọc Hoàng	Mai	01.10.1975	Phú Yên	
51	3	La Thị Hồng	Phong	22.04.1972	Hà Nội	
52	4	Nguyễn Thị Như	Quê	24.10.1976	Thừa Thiên Huế	
53	5	Hồ Văn	Thanh	16.09.1970	Phú Yên	

100 V
 RƯỞ
 ĐẠI H
 Y DƯ
 ĐẠI H

TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
		XI. Nhân khoa (4)			
54	1	Nguyễn Thị Hòa	19.10.1974	Quảng Bình	
55	2	Lê Thanh Long	18.08.1964	Đà Nẵng	
56	3	Phan Nhã Uyên	16.09.1980	Thừa Thiên Huế	
57	4	Nguyễn Vũ Long	20.11.1985	Quảng Trị	
		XII. Răng hàm mặt (8)			
58	1	Hoàng Hữu Công	10.09.1967	Quảng Bình	
59	2	Nguyễn Hữu Bản	21.02.1983	Nam Định	
60	3	Trần Văn Dũng	25.02.1971	Thừa Thiên Huế	
61	4	Nguyễn Ngọc Đạt	25.02.1975	Tây Ninh	
62	5	Nguyễn Thị Mai Hương	09.09.1981	Quảng Ngãi	
63	6	Ngô Vĩnh Phúc	19.02.1972	Thừa Thiên Huế	
64	7	Lê Hiền Cẩm Trang	16.12.1966	TP. Hồ Chí Minh	
65	8	Võ Đức Tuấn	29.01.1972	Đà Nẵng	
		XIII. Mũi họng (2)			
66	1	Võ Nguyên Tín	02.08.1968	Đà Nẵng	
67	2	Lê Chí Thông	14.11.1982	Thừa Thiên Huế	
		XIV. Gây mê hồi sức (4)			
68	1	Bùi Xuân Hải	01.08.1975	Quảng Bình	
69	2	Lê Thị Ánh Tuyết	17.02.1979	Thừa Thiên Huế	
70	3	Ngô Văn Chấn	10.05.1968	Đà Nẵng	
71	4	Nguyễn Đình Tin	13.11.1977	Quảng Ngãi	
		XV. Huyết học (2)			
72	1	Lê Văn Thống Nhất	11.08.1975	Thừa Thiên Huế	
73	2	Tôn Thất Minh Trí	09.10.1969	Thừa Thiên Huế	
		XVI. Chẩn đoán hình ảnh (1)			
74	1	Lê Mạnh Hùng	20.05.1980	Quảng Bình	
		XVII. Y học cổ truyền (15)			
75	1	Lê Minh Chung	09.11.1980	Thừa Thiên Huế	
76	2	Hồ Sỹ Thắng	08.08.1973	Nghệ An	
77	3	Nguyễn Thị Ngọc Ánh	01.12.1974	Bắc Cạn	
78	4	Trần Ngọc Minh Chuyên	28.12.1982	TP. Hồ Chí Minh	
79	5	Nguyễn Duy Điền	20.06.1972	Quảng Ngãi	
80	6	Vy Thị Thu Hiền	19.08.1974	Nghệ An	
81	7	Hoàng Thị Minh Hiếu	25.12.1983	Kiên Giang	



TT	TT CN	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Ghi chú
82	8	Trương Trung Hiếu	30.09.1982	TP. Hồ Chí Minh	
83	9	Lê Ngọc Hồ	17.11.1975	Tiền Giang	
84	10	Phan Quốc Hưng	17.08.1981	TP. Hồ Chí Minh	
85	11	Trần Minh Quang	23.08.1983	TP. Hồ Chí Minh	
86	12	Nguyễn Tuấn Quyên	08.11.1968	Tiền Giang	
87	13	Lê Ngọc Thanh	30.04.1981	Hải Dương	
88	14	Nguyễn Bình Phương Thảo	14.04.1981	Kiên Giang	
89	15	Nguyễn Diệu Ngọc Tuyền	14.04.1974	Đà Nẵng	
		XVIII. Quản lý y tế (13)			
90	1	Bạch Trung Liệu	10.11.1965	Quảng Ngãi	
91	2	Võ Văn Phương	02.02.1971	Hà Tĩnh	
92	3	Mai Thùy Anh	28.01.1982	Đắk Lắk	
93	4	Trần Thị Thanh Bình	20.11.1976	Hà Tĩnh	
94	5	Trần Cư	01.01.1974	Thừa Thiên Huế	
95	6	Nguyễn Xuân Dũng	25.02.1976	Đồng Nai	
96	7	Đỗ Thị Giang	10.11.1968	Quảng Nam	
97	8	Phạm Đình Hoàng	14.11.1964	Lâm Đồng	
98	9	Vũ Hữu Hùng	30.10.1974	Hà Tĩnh	
99	10	Võ Văn Hùng	30.08.1967	Lâm Đồng	
100	11	Lương Hoàng Liêm	06.02.1977	TP. Hồ Chí Minh	
101	12	Phạm Thị Thùy Linh	10.09.1982	Lâm Đồng	
102	13	Ngô Nhật Phương	13.12.1975	Thừa Thiên Huế	

Ấn định danh sách gồm 102 (một trăm lẻ hai) học viên thuộc 18 (mười tám) chuyên ngành